TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M** **TỈNH L**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15-3-2023
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M
TỈNH L

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Hồng.

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lý Quốc Trưởng;

2/ Bà Phạm Thị Mai;

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh L; Tòa án nhân dân huyện M xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2023/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 02 năm 2023, về việc "Tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng Kh, sinh năm: 1980 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện M, tỉnh L.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm: 1986 (Vắng mặt không lý do).

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện M, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng Kh trình bày như sau:

Ông Kh và bà S do quen biết nên cưới nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện M, tỉnh L vào ngày 31/08/2007. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, nhưng về sau này thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp nhau, cuộc sống không hạnh phúc. Vợ chồng không còn tình cảm..

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Kh yêu cầu ly hôn với bà S.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 12/02/2007 hiện đang sống với ông Kh và bà S. Khi ly hôn ông Kh yêu cầu để bà S trực

tiếp nuôi con chung và ông Kh sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản: không có.

Về nghĩa vụ trả nợ: không có.

Bị đơn, bà Nguyễn Thị S vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại biên bản hòa giải ngày 10/02/2023 trình bày: Bà S thống nhất với ông Kh về thời gian cưới, đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Kh có mối quan hệ với người phụ nữ khác nên vợ chồng mới cải vã và ông Kh nói hết tình cảm. Nay ông Kh yêu cầu ly hôn thì bà S không đồng ý vì con thương chồng, mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 12/02/2007 hiện đang sống với ông Kh và bà S. Khi ly hôn con theo ai thì người đó nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về chia tài sản: bà S thống nhất với ông Kh là không có.

Về nghĩa vụ trả nợ: bà S thống nhất với ông Kh là không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Hoàng Kh yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị S là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh L theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Nguyễn Thị S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà S theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hoàng Kh và bà Nguyễn Thị S xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh L cấp giấy chứng nhận kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

[3.2] Ông Kh yêu cầu được ly hôn với bà S vì cho rằng cuộc sống phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, vợ chồng không hạnh phúc ông Kh không còn tình cảm với bà S đã ly thân nhau từ tháng 7 năm 2021 cho đến nay. Vì vậy ông Kh tha thiết muốn ly hôn với bà S. Bà S không đồng ý ly hôn vì cho rằng ông Kh đã có quan hệ với người phụ nữ khác nhưng không chứng minh được việc này, đồng thời bà S cho rằng còn tình cảm với ông Kh không muốn ly hôn momg muốn vợ chồng quay về đàon tụ nhưng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện M đã tiến hành các thủ tục về cấp tống đạt, hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự các thông báo về xét xử nhưng bà S vẫn vắng mặt. Điều này chứng tỏ bà S không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa hai bên. Do

đó Hội đồng xét xử xác định tình trạng hôn nhân giữa ông Kh và bà S lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông Kh yêu cầu được ly hôn là có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 12/02/2007 hiện đang sống với ông Kh và bà S. Khi ly hôn ông Kh đồng ý để bà S trực tiếp nuôi cháu M. Bà S vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại phiên hòa giải có trình bày khi ly hôn con theo ai thì người đó nuôi.

[4.1] Xét từ khi cha mẹ ly thân thì cháu M vẫn sống cùng cha mẹ và cháu M có có nguyên vọng sau khi cha mẹ ly hôn sẽ được sống cùng mẹ. Để đảm bảo việc chăm sóc và ổn định tâm lý cho cháu M cần duy trì việc nuôi dưỡng này. Do đó Hội đồng xét xử quyết định giao cháu M cho bà S tiếp tục nuôi dưỡng.

[4.2] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà S không không yêu cầu ông Kh cấp dưỡng nuôi con nhưng tại phiên tòa ông Kh đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét đây là sự tự nguyện của ông Kh Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về chia tài sản và nghĩa vụ trả nợ: Ông Kh và bà S xác định không có. Vì vậy, Hội đồng xét xử cũng không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Ông Nguyễn Hoàng Kh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; Điều 35; 39; 147; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56; 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng Kh đối với bà Nguyễn Thị S.

1. Về hôn nhân: ông Nguyễn Hoàng Kh được ly hôn với bà Nguyễn Thị S.

2. Về nuôi con chung: bà Nguyễn Thị S được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 12/02/2007. Ông Nguyễn Hoàng Kh phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 4/2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành

niên; cấp dưỡng nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84, 85, 110,116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: ông Nguyễn Hoàng Kh phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0010568, ngày 10/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh L. Ông Kh còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã T, huyện M;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thúy Hồng